

**Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực công chứng (qua thực
tế tại thành phố Hải Phòng) : Luận văn ThS. Luật: 60 38
01 / Ninh Văn Chinh ; Nghd. : GS.TS. Phạm Hồng Thái**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CÔNG CHỨNG VÀ PHÁP LUẬT VỀ CÔNG CHỨNG	6
1.1. Khái niệm công chứng	6
1.2. Pháp luật trong lĩnh vực công chứng	15
1.3. Tiêu chí đánh giá sự hoàn thiện của pháp luật về công chứng	30
1.3. Tính toàn diện	30
1.	
1.3. Tính đồng bộ	33
2.	
1.3. Tính phù hợp	35
3.	
1.3. Tính minh bạch	37
4.	
1.3. Kỹ thuật lập pháp	39
5.	
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CÔNG CHỨNG NƯỚC TA VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT CÔNG CHỨNG TẠI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	42
2.1. Thực trạng pháp luật về công chứng nước ta	42
2.2. Thực hiện pháp luật công chứng tại thành phố Hải Phòng	65
2.2. Quá trình hình thành tổ chức và hoạt động của công chứng tại	65
1. Hải Phòng	
2.2. Những vướng mắc và khó khăn trong quá trình thực hiện hoạt	71
2. động công chứng ở Hải Phòng	

Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN	77
THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ	
CỦA HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG	
3.1. Phương hướng hoàn thiện	77
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả của hoạt động công chứng	86
3.2. Hệ thống hóa pháp luật liên quan đến lĩnh vực công chứng	86
1.	
3.2. Cần phân biệt rõ hoạt động công chứng và hoạt động chứng thực	86
2.	
3.2. Thành lập trung tâm lưu trữ, thông tin công chứng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	89
3.2. Sự cần thiết phải đưa các giao dịch thông qua công chứng	90
4.	
3.2. Xây dựng cơ chế bảo đảm giá trị văn bản công chứng	92
5.	
3.2. Xây dựng được các chế định pháp luật liên quan đảm bảo cho hoạt động công chứng được thực hiện hiệu quả	94
6.	
3.2. Xây dựng lộ trình, định hướng phát triển công chứng	97
7.	
3.2. Xây dựng đội ngũ Công chứng viên chất lượng cao, phẩm chất tốt	100
8.	
KẾT LUẬN	103
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	104

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, hoạt động công chứng đã thể hiện vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội của đất nước, góp phần thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm an toàn pháp lý, tạo ra môi trường pháp lý ổn định cho các giao dịch dân sự, kinh tế thương mại của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước. Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình phát triển lĩnh vực công chứng nước ta cũng đã bộc lộ những hạn chế, bất cập cả về mặt tổ chức và hoạt động làm ảnh hưởng đến các hoạt động giao lưu dân sự, kinh tế, thương mại của xã hội, hạn chế sự phát triển của nền kinh tế thị trường cũng như sự hội nhập của nền kinh tế nước ta với khu vực và trên thế giới đồng thời cũng làm giảm đi hiệu quả quản lý của nhà nước trong lĩnh vực này. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên phần lớn là do hệ thống pháp luật nước ta nói chung và trong lĩnh vực công chứng nói riêng chưa đồng bộ, chưa hoàn chỉnh còn nhiều mâu thuẫn, chồng chéo, nhiều quy định không còn phù hợp với sự phát triển. Mặc dù Luật Công chứng đã ra đời đã giải quyết được một số vướng mắc nhưng những hạn chế nêu trên vẫn chưa được giải quyết một cách triệt để. Mặt khác trong quá trình thực hiện, Luật Công chứng lại nảy sinh một số vướng mắc cần tháo gỡ, một số quy định mang tính chủ quan của các nhà làm luật làm mất đi tính năng động của hoạt động này, một số quy định dù mới ra đời nhưng đã không theo kịp sự phát triển của xã hội. Vấn đề đặt ra là phải tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực công chứng tạo cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động công chứng phát triển.

Là một người trực tiếp hoạt động trong lĩnh vực công chứng trong nhiều năm, chứng kiến sự phát triển của hoạt động công chứng với những thành công đã đạt được và những hạn chế còn tồn tại trong những năm qua trên cả nước cũng như tại thành phố Hải Phòng. Cùng với việc muốn làm sáng tỏ một số vấn đề về lý luận và thực tiễn trong tổ chức và hoạt động công chứng. Đi sâu vào nghiên cứu các quy định của pháp luật trong lĩnh vực công chứng tìm ra những hạn chế, bất cập, những vướng mắc trong quá trình hoạt động và nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó. Đưa ra phương hướng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này nhằm thúc đẩy sự phát triển của hoạt động công chứng, đồng thời đánh giá được vai trò quan trọng của công chứng đối với xã hội, đó là lý do tôi chọn đề tài: ***"Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực công chứng (qua thực tế tại thành phố Hải Phòng)"*** để làm luận văn thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực công chứng nói riêng là một yêu cầu cấp thiết trong mọi giai đoạn. Là một hoạt động có ảnh hưởng lớn đến các quan hệ xã hội trong giao lưu kinh tế, dân sự, thương mại nên đã có nhiều bài viết, nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực công chứng của nước ta. Những công trình này nghiên cứu chế định công chứng dưới nhiều góc độ khác nhau và đóng góp rất lớn về mặt lý luận trong việc làm rõ một số vấn đề về công chứng. Trước hết phải kể đến công trình nghiên cứu mang tên: ***"Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng và***

hoàn thiện tổ chức và hoạt động công chứng ở Việt Nam", Đề tài cấp Bộ, mã số 92-98-224, Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý, 1993; "Công chứng nhà nước những vấn đề lý luận và thực tiễn ở nước ta", Luận văn Thạc sĩ Luật học của tác giả Trần Ngọc Nga; "Những vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc xác định phạm vi, nội dung hành vi công chứng và giá trị pháp lý của văn bản công chứng ở nước ta hiện nay", Luận án Tiến sĩ Luật học của tác giả Đặng Văn Khanh; "Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân trong lĩnh vực thực hiện các việc công chứng", Luận văn Thạc sĩ Luật học của Lê Thị Thúy; "Công chứng ở Cộng hòa Pháp và ở một số nước theo hệ La-tinh" của tác giả Nguyễn Văn Toàn; "Tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước ở nước ta hiện nay", Luận án Tiến sĩ Luật học của Dương Khánh; "Xã hội hóa công chứng ở Việt Nam hiện nay" của tác giả Lê Thị Phương Hoa. " Nghiên cứu so sánh pháp luật về công chứng một số nước trên thế giới nhằm góp phần xây dựng luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện pháp luật về công chứng ở Việt Nam hiện nay", Luận án Tiến sĩ luật học của tác giả Tuấn Đạo Thanh; bài "Công chứng, chứng thực ở Việt Nam - Thực trạng và định hướng phát triển" của tác giả Phạm Văn Lợi, đăng trên tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 7/2002; "Một số vấn đề về hỗ trợ tư pháp" của tác giả Lê Đức Tiết do nhà xuất bản Chính trị Quốc gia phát hành năm 2003; bài "Một số ý kiến về đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan công chứng" của tác giả Lê Khả đăng trên báo Pháp luật, ngày 18/2/2003; "Công chứng, chứng thực trong điều kiện cải cách hành chính và cải cách tư pháp" của tác giả Trần Thất, đăng trên tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 6/2004; "Cần phân biệt công chứng và chứng thực" của tác giả Nguyễn Thị Thu Phương, đăng trên tạp chí Dân chủ và pháp luật, số chuyên đề tháng 8/2006...

Ngoài một vài công trình ra đời sau, còn hầu hết đều được hoàn thành trước khi có Luật Công chứng, do vậy những điểm hạn chế và thiếu sót của Luật Công chứng chưa được nghiên cứu và chỉ ra. Mặt khác, điều kiện kinh tế xã hội của nước ta trong giai đoạn này đã có nhiều thay đổi nhất là từ khi tham gia và trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), làm phát sinh nhiều quan hệ xã hội liên quan đến các giao lưu kinh tế, dân sự, thương mại của các cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước. Những thay đổi đó tác động mạnh mẽ đến toàn bộ hệ thống pháp luật nước ta trong đó có chế định pháp luật công chứng, đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật trong lĩnh vực này.

3. Cơ sở khoa học và thực tiễn của đề tài

Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; quan điểm, phương hướng của Đảng, Nhà nước ta về cải cách hành chính, cải cách tư pháp, về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Luận văn được hoàn thành dựa trên thực tiễn hoạt động công chứng ở Việt Nam trong những năm qua và trong giai đoạn hiện tại. Lấy các số liệu, liên hệ thực tế tại địa phương Hải Phòng làm căn cứ chứng minh, dẫn chứng cho các kết luận đã phân tích.

4. Mục đích của đề tài

Khái quát được quá trình phát triển của pháp luật công chứng ở nước ta. Phân tích và đánh giá về thực trạng pháp luật trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó phân tích và đánh giá các yếu tố tác động đến hoạt động công chứng, xu thế phát triển chung của thế giới và liên hệ pháp luật nước ta trong quá trình hội nhập.

Rà soát lại các quy định của pháp luật tìm ra sự hạn chế vướng mắc và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực công chứng và nâng cao hiệu quả của hoạt động công chứng. Góp phần thực hiện mục tiêu cải cách tư pháp cũng như cải cách nền hành chính nhà nước trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Nghiên cứu quá trình và xu hướng phát triển của pháp luật công chứng trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế. Đi sâu phân tích các quy định của pháp luật trong lĩnh vực công chứng và các chế định pháp luật khác có ảnh hưởng tới công chứng. Đồng thời cũng nghiên cứu và phân tích các yếu tố tác động đến sự phát triển hoặc kìm hãm sự phát triển của hoạt động công chứng. Luận văn cũng tham khảo một số nội dung của pháp luật các nước trên thế giới để phân tích đánh giá khi áp dụng trong một số trường hợp. Trong phạm vi luận văn này không nghiên cứu các quy định liên quan đến việc công chứng của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

6. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

Sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin làm phương pháp nghiên cứu chủ đạo. Ngoài ra còn sử dụng một số phương pháp khác như: thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa... để đi sâu nghiên cứu những vấn đề cụ thể. Trong một số trường hợp chúng tôi sử dụng tổng hợp các phương pháp trên để nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề phức tạp.

7. Đóng góp của đề tài

Đề tài đã góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực công chứng trên một số phương diện như: khái niệm, bản chất, phạm vi, mục đích, chức năng, chủ thể và quản lý công chứng. Khẳng định được tầm quan trọng của chế định này trong việc bảo đảm an toàn pháp lý, tạo ra môi trường pháp lý ổn định cho các giao dịch dân sự, kinh tế thương mại của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước. Đánh giá được thực trạng pháp luật công chứng nước ta. Đưa ra các tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thiện và đề ra phương hướng hoàn thiện của pháp luật trong lĩnh vực công chứng. Đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực công chứng và nâng cao hiệu quả của hoạt động công chứng.

Luận văn sẽ là tài liệu tham khảo cho công tác học tập nghiên cứu, đồng thời là nguồn tài liệu tham khảo giúp cho việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực công chứng của các cơ quan nhà nước.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Công chứng và pháp luật về công chứng.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về công chứng nước ta và thực hiện pháp luật công chứng tại thành phố Hải Phòng

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả của hoạt động công chứng.

Chương 1

CÔNG CHỨNG VÀ PHÁP LUẬT VỀ CÔNG CHỨNG

1.1. Khái niệm công chứng

Công chứng là một thuật ngữ được sử dụng nhiều trong những năm gần đây cả trong các văn bản pháp luật và trong các giao dịch dân sự của các cá nhân và tổ chức.

Lịch sử phát triển của công chứng Việt Nam được đánh dấu bằng sự ra đời của Thông tư số 574/QLTPK ngày 10/10/1987 của Bộ Tư pháp. Những năm sau đó, là sự ra đời của các Nghị định: Nghị định số 45/HĐBT ngày 27/2/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định 45/HĐBT), Nghị định số 31/CP ngày 18/5/1996 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định 31/CP), Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực.

Thông tư số 574/QLTPK và Nghị định 45/HĐBT sử dụng khái niệm công chứng nhà nước đến Nghị định 31/CP thì cụm từ "công chứng nhà nước" đã được thay bằng "công chứng". Và nếu so sánh Nghị định số 45/HĐBT với Nghị định số 31/CP thì Nghị định số 31/CP có nhiều thay đổi hơn, bước đầu có sự phân biệt hành vi công chứng và hành vi chứng thực, nhưng đây chỉ là sự phân biệt dựa trên chủ thể thực hiện hoạt động công chứng, chứng thực. Cùng một loại việc nếu được thực hiện bởi Công chứng viên của các Phòng Công chứng thì gọi là công chứng, nhưng nếu được thực hiện tại Ủy ban nhân dân thì gọi là chứng thực. Đến Nghị định số 75/2000/NĐ-CP bước đầu đã có sự phân biệt giữa khái niệm công chứng và chứng thực.

Để hoạt động công chứng phát triển theo đúng quy luật đáp ứng đòi hỏi của xã hội trong giai đoạn của mới của đất nước, nhất là khi nước ta trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) thì yêu cầu cần phải hoàn thiện toàn hệ thống pháp luật nói chung cũng như về chế định công chứng nói riêng là một nhiệm vụ cấp thiết cần phải được thực hiện. Việc cần phải có một văn bản pháp lý chuyên ngành cao hơn Nghị định để điều chỉnh một cách toàn diện và đồng bộ lĩnh vực công chứng là một nhu cầu cấp thiết. Do vậy, ngày 29 tháng 11 năm 2006, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI đã thông qua Luật Công chứng và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

Khái niệm công chứng theo Luật Công chứng được quy định như sau: "Công chứng là việc Công chứng viên chứng nhận tính xác thực, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch khác (sau đây gọi là hợp đồng, giao dịch) bằng văn bản mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng".

Điểm nổi bật và tạo ra sự khác biệt lớn so với các văn bản pháp lý trước đó trong quy định về khái niệm công chứng tại Luật Công chứng là việc đã chỉ ra chính xác chủ thể của hoạt động công chứng đó là Công chứng viên. Có thể nói đây là bước đột phá trong việc nhận thức bản chất của hoạt động công chứng của các nhà làm luật. Chính vì nhận thức được bản chất chế định này nên trong nội dung của Luật Công chứng chứa đựng nhiều quy định khác biệt, tiến bộ hơn so với những văn bản trước đây. Theo khái niệm này, ngoài việc chứng nhận tính xác thực Công chứng viên còn phải chứng nhận cả tính hợp pháp của các hợp đồng, giao dịch. Tính xác thực thể hiện thỏa thuận, nội dung của các hợp đồng, giao dịch là có thật và đúng với ý chí của các bên tham gia: Công chứng viên không những phải khẳng định chính xác người yêu cầu công chứng, nội dung thỏa thuận là hợp pháp và được xác lập dựa trên giấy tờ, tài liệu đáng tin cậy, mọi thỏa thuận cũng như giấy tờ, tài liệu đều phù hợp với những gì xảy ra trên thực tế... mà còn phải xác định xem thỏa thuận của các bên đương sự có phản ánh đúng ý chí, nguyện vọng của họ hay không. Nhưng không phải mọi hợp đồng, giao dịch có thật đều được Công chứng viên chứng nhận, mà chỉ có những hợp đồng, giao dịch hợp pháp mới được chứng nhận. Đồng thời có những giao dịch mặc dù hợp pháp nhưng không đảm bảo tính xác thực cũng không được chứng nhận. Như vậy điều kiện cần và đủ để một hợp đồng, giao dịch được công chứng đó là tính xác thực và tính hợp pháp. Việc quy định cụ thể về tính hợp pháp của các hợp đồng, giao dịch trong khái niệm công chứng là một điểm mới so với các khái niệm trước đây về công chứng.

Luận văn đã phân tích các khái niệm của một số luật gia, chuyên gia pháp lý và các quy định của một số nước trên thế giới nhận thấy nhiều điểm chung trong quan niệm về công chứng. Khẳng định công chứng là hành vi của Công chứng viên nhằm tạo lập, làm chứng và chứng nhận tính xác thực, tính hợp pháp của các hợp đồng, giao dịch nhằm xác lập chứng cứ và có giá trị thi hành cao. Việc đưa ra khái niệm công chứng phải căn cứ vào bản chất của thể chế này, hoạt động công chứng phải được hiểu như là một loại hình dịch vụ công, nó phải được tách khỏi hoạt động hành chính nhà nước; các cá nhân được bổ nhiệm làm Công chứng viên sử dụng quyền lực nhà nước một cách gián tiếp khác hẳn với những công chức, viên chức nhà nước, họ là những người nhân danh nhà nước sử dụng trực tiếp quyền lực công để thực hiện công việc của mình; hoạt động công chứng là hoạt động làm chứng, tư vấn, chứng nhận của Công chứng viên đối với các hợp đồng, giao dịch có thật và hợp pháp của các cá nhân và tổ chức trong xã hội; thông qua hoạt động này, ý chí của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch được đảm bảo thực hiện và khi có tranh chấp phát sinh thì nó cung cấp chứng cứ cho các cơ quan hữu quan, các chứng cứ này không phải chứng minh. Hoạt động của Công chứng viên không chỉ đơn thuần là việc chứng nhận các hợp đồng, giao dịch. Để chứng nhận các việc đó thì Công chứng viên phải

thông qua ý chí của các bên thể hiện nó bằng một văn bản (đối với những việc mà Công chứng viên phải tự soạn văn bản), kiểm tra ý chí của các bên đã được thể hiện đúng hay chưa, các ý chí, thỏa thuận đó có hợp pháp hay không (đối với những việc mà Công chứng viên phải kiểm tra các văn bản đã soạn sẵn). Khi có bất đồng giữa các bên thì Công chứng viên phải làm công tác hòa giải thông qua việc tư vấn cho các bên về quyền và nghĩa vụ của họ để kéo dần ý chí họ về gần với nhau hơn trong các giao dịch. Đương nhiên chức năng tư vấn này của Công chứng viên phải mang tính khách quan, không thiên vị. Qua việc nghiên cứu bản chất công chứng, tham khảo một số khái niệm trên và qua thực tế hoạt động công chứng người viết xin đưa ra khái niệm công chứng như sau:

Công chứng là hành vi của Công chứng viên nhằm tạo lập và chứng nhận tính xác thực, tính hợp pháp của các hợp đồng, giao dịch bằng văn bản.

Văn bản được công chứng có giá trị chứng cứ và giá trị thi hành.

1.2. Pháp luật trong lĩnh vực công chứng

Qua thời gian dài chế định công chứng được điều chỉnh bởi các văn bản dưới luật, chứa đựng giá trị pháp lý thấp không tương xứng với vai trò quan trọng của chế định này trong cuộc sống, hơn nữa vì nó có giá trị thấp nên trong quá trình áp dụng nó thường bị các văn bản luật có giá trị cao hơn phủ định. Đến kỳ họp thứ 10 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam khóa XI thì Luật Công chứng mới được thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2006, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007. Như vậy kể từ khi Thông tư số 574/QLTPK ra đời năm 1987 sau 20 năm hình thành và phát triển thì thể chế công chứng của nước ta đã có Luật Công chứng để điều chỉnh, đáp ứng được thực tế khách quan đòi hỏi của xã hội trong điều kiện nền kinh tế thị trường có sự giao lưu với quốc tế làm tăng nhanh cả về số lượng cũng như tính chất, quy mô các hợp đồng, giao dịch.

Luật Công chứng ra đời đã giải quyết được một số vướng mắc, khắc phục được một số hạn chế, đồng thời tiếp thu được một số tiến bộ trong quá trình lập pháp mà các văn bản pháp luật trước đó chưa giải quyết được đó là:

Một là, về phạm vi điều chỉnh.

Hai là, quy định chủ thể của hoạt động công chứng là Công chứng viên.

Ba là, quan điểm về hoạt động công chứng đã có sự thay đổi.

Công chứng nước ta hiện nay bị điều chỉnh bởi Luật Công chứng và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác chứa đựng các quy định liên quan đến lĩnh vực công chứng như: Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Tố tụng năm 2004, Luật Đất đai năm 2003, Luật Nhà ở năm 2005, Nghị định số 70/2001/NĐ-CP ngày 03/10/2001 của Chính phủ... Sở dĩ có nhiều những quy định như vậy là vì hoạt động này liên quan đến rất nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội và tác động mạnh mẽ tới sự phát triển của nền kinh tế. Nhìn chung các văn bản pháp luật trên chủ yếu điều chỉnh các vấn đề sau:

- Quy định hình thức hợp đồng, giao dịch phải có chứng nhận của công chứng hoặc chứng thực. Đây là quy định phổ biến nhất trong các văn bản pháp luật nêu trên. Nó chỉ ra

các quan hệ hợp đồng, giao dịch bắt buộc phải có chứng nhận của công chứng hoặc chứng thực. Chẳng hạn, như tại Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về hình thức giao dịch:

- Quy định giá trị văn bản công chứng. Văn bản công chứng có giá trị chứng cứ không phải chứng minh và giá trị thi hành. Thông qua các quy định về giá trị của văn bản công chứng, pháp luật thừa nhận vai trò quan trọng của công chứng.

1.3. Tiêu chí đánh giá sự hoàn thiện của pháp luật về công chứng

Qua phân tích và đánh giá dựa trên cơ sở các thuộc tính, đặc trưng của pháp luật người viết đưa ra 5 tiêu chí để đánh giá sự hoàn thiện của chế định công chứng cũng như của toàn bộ hệ thống pháp luật đó là:

1.3.1. Tính toàn diện

1.3.2. Tính đồng bộ

1.3.3. Tính phù hợp

1.3.4. Tính minh bạch

1.3.5. Kỹ thuật lập pháp

Tóm lại, chương 1 đã đi sâu vào nghiên cứu và làm rõ một số vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn sau:

- Khái niệm và bản chất công chứng.
- Phân tích khái quát các hệ thống chứng trên thế giới hiện nay bao gồm: Hệ thống công chứng Anglo - Saxon tương ứng với hệ thống pháp luật Anglo - Saxon (Common Law); hệ thống công chứng Latin tương ứng với hệ thống luật La Mã (còn gọi là hệ thống pháp luật dân sự - Civil Law hay luật viết); và hệ thống công chứng Collectiviste (công chứng tập thể) hay còn gọi là hệ thống công chứng nhà nước bao cấp tương ứng với hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa (Sovietique). Tìm ra những đặc trưng nhất của các hệ thống công chứng trên. Đánh giá những ưu thế và hạn chế của các hệ thống công chứng đó, so sánh với tổ chức và hoạt động công chứng của Việt Nam trong thời gian qua.
- Đánh giá và phân tích về pháp luật công chứng.
- Đưa ra tiêu chí để đánh giá sự hoàn thiện của pháp luật công chứng.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CÔNG CHỨNG NƯỚC TA VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT CÔNG CHỨNG TẠI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

2.1. Thực trạng pháp luật về công chứng nước ta

Trong quá trình hình thành và phát triển pháp luật về công chứng đã dần được hoàn thiện theo thời gian và được khẳng định qua việc ra đời của Luật Công chứng.

Thông qua thực tế hoạt động nghiệp vụ công chứng và nghiên cứu chế định công chứng trên phương diện lý luận nhận thấy những mặt hạn chế, bất cập chủ yếu của pháp luật trong lĩnh vực công chứng được thể hiện qua những điểm chính sau đây:

Thứ nhất: Mặc dù Luật Công chứng ra đời đã phân định được hai hoạt động có liên quan nhiều nhất đến nhau, đó là hoạt động chứng thực và hoạt động công chứng. Nhưng

thực tế, sự phân biệt đó chỉ dựa trên một yếu tố duy nhất đó là chủ thể của hai hoạt động này. Công chứng là hành vi của Công chứng viên; chứng thực là hành vi của các công chức, viên chức nhà nước (Trưởng phòng Tư pháp, Phó Trưởng phòng Tư pháp; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; viên chức lãnh sự, viên chức ngoại giao của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài...).

Hoạt động công chứng và chứng thực là hai hoạt động hoàn toàn khác nhau về bản chất như đã phân tích ở trên. Do vậy, việc chưa có sự phân biệt rạch ròi giữa hai hoạt động này về mặt lý luận cũng như trong văn bản pháp luật đã dẫn đến những hậu quả sau:

Một là, chưa phân biệt được phạm vi công chứng và chứng thực, nhiều việc cùng do hai chủ thể hoàn toàn khác nhau về địa vị pháp lý thực hiện.

Hai là, chính vì chưa có sự phân định rạch ròi hoạt động công chứng và hoạt động chứng thực lên một số công việc của công chứng bị chuyển sang chứng thực.

Ba là, từ hai hậu quả đã phân tích trên dẫn đến việc nhiều khi giá trị của văn bản công chứng và văn bản chứng thực bị đồng nhất.

Thứ hai: Các quy định về Công chứng viên còn nhiều bất cập.

Thứ ba: Hoạt động công chứng mang tính chất dịch vụ, trong đó bao hàm yếu tố phục vụ.

Thứ tư: Giá trị pháp lý của văn bản công chứng chưa được đánh giá đúng mức và còn thiếu điều kiện, thiếu cơ chế bảo đảm thực thi văn bản công chứng.

Thứ năm: Trong các quy định của pháp luật hiện nay còn nhiều mâu thuẫn, chồng chéo nhiều bất cập tạo ra nhiều kẽ hở trong quá trình thực hiện pháp luật về công chứng.

Thứ sáu: Việc phát triển công chứng chưa dựa trên những nguyên tắc, căn cứ tính toán khoa học, chưa có các khảo sát cụ thể về nhu cầu công chứng của người dân và tổ chức, chưa xây dựng được lộ trình phát triển công chứng.

Chính vì các lý do trên lên kể từ khi Luật Công chứng ra đời thì tại một số thành phố lớn hàng loạt Văn phòng công chứng ô ạt ra đời. Một số nơi thì lại chưa có một Văn phòng công chứng nào. Sự ra đời ô ạt trong một thời gian ngắn như vậy tạo lên tình trạng bão hòa, gây nhiều xáo trộn đối với hoạt động công chứng. Công tác quản lý của nhà nước đối với tổ chức và hoạt động công chứng không theo kịp sự phát triển này lên lại xảy ra tình trạng có địa phương ra quyết định tạm dừng cấp phép thành lập Văn phòng công chứng thể hiện sự yếu kém của những người làm công tác quản lý, làm mất đi quyền tự do hành nghề và kinh doanh của cá nhân và tổ chức. Hiện nay theo khảo sát của chúng tôi, một số Văn phòng công chứng hoạt động khá tốt giải quyết được một khối lượng lớn các nhu cầu của cá nhân và tổ chức, đáp ứng được các đòi hỏi về chuyên môn nghiệp vụ của nghề công chứng. Bên cạnh đó cũng có nhiều Văn phòng công chứng hoạt động không hiệu quả, có nguy cơ phải chấm dứt hoạt động gây lên tình trạng lãng phí về tiền bạc cũng như nhân lực. Việc giải thể Văn phòng công chứng là việc rất phức tạp chứ không đơn giản như là giải thể một tổ chức hay một doanh nghiệp. Do vậy, việc phát triển phải được tính toán khoa học và phải theo lộ trình, định hướng phù hợp với sự phát triển chung của ngành tư pháp, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp cũng như sự phát triển của đất nước.

2.2. Thực hiện pháp luật công chứng tại thành phố Hải Phòng

2.2.1. Quá trình hình thành tổ chức và hoạt động của công chứng tại Hải Phòng

Luật Công chứng ra đời làm cho tổ chức và hoạt động của công chứng trên cả nước nói chung và tại Hải Phòng có nhiều thay đổi. Việc chuyển các công việc thuộc hoạt động chứng thực về Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã đã làm cho giảm tải cho các Phòng Công chứng, hoạt động công chứng được trả về đúng với vai trò, chức năng vốn có của công chứng. Qua đó thể hiện tính chuyên nghiệp, trình độ chuyên môn cao trong hoạt động công chứng. Tổ chức và hoạt động công chứng trên địa bàn Hải Phòng mang những nét nổi bật sau:

Một là, tổ chức và hoạt động công chứng được hình thành từ rất sớm và phát triển nhanh về số lượng Phòng Công chứng, Công chứng viên.

Hai là, trên cơ sở các văn bản pháp luật ở Trung ương ban hành, Ủy ban nhân dân thành phố được sự tham mưu của Sở Tư pháp đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định về lĩnh vực công chứng kịp thời, phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương.

Ba là, tổ chức và hoạt động công chứng mang nhiều nét đặc thù của địa phương.

Để quản lý hồ sơ công chứng trên toàn thành phố, tạo ra sự thống nhất tránh được sự chồng chéo, bộ phận lưu trữ hồ sơ chung cho các Phòng Công chứng đã được thành lập. Bộ phận này có trách nhiệm quản lý, lưu trữ tập trung tất cả các hợp đồng, giao dịch đã được công chứng liên quan đến tài sản là ô tô, tàu thuyền, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, bất động sản... trên địa bàn thành phố. Khi có một yêu cầu công chứng nào liên quan đến các loại tài sản trên, các Công chứng viên gửi Phiếu tra tìm hồ sơ về bộ phận lưu trữ hồ sơ. Sau khi tra cứu, bộ phận lưu trữ hồ sơ sẽ trả lời những thông tin liên quan đến tài sản đó. Căn cứ vào các thông tin trả lời từ bộ phận lưu trữ và hồ sơ kèm theo Công chứng viên xác định được chính xác các hợp đồng, giao dịch có bị chồng chéo, trái luật hay không để tiến hành chứng nhận. Đây là một hoạt động trợ giúp đắc lực cho hoạt động công chứng liên quan đến các tài sản trên địa bàn thành phố, làm giảm đi những rủi ro cho người yêu cầu công chứng cũng như cho Công chứng viên chứng nhận. Mặt khác, khi có xác minh, điều tra hay yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì việc cung cấp thông tin cũng sẽ được thực hiện nhanh chóng. Từ khi Nghị định 75/CP ra đời bên cạnh việc lưu hồ sơ theo quy định thì ở Hải Phòng vẫn duy trì hoạt động của Bộ phận lưu trữ hồ sơ. Đánh giá cao về hiệu quả của biện pháp hỗ trợ này trong những năm qua, Sở Tư pháp đã làm đề án để thành lập Trung tâm lưu trữ hồ sơ công chứng liên quan đến bất động sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng trên cơ sở nâng cấp bộ phận lưu trữ hồ sơ. Ngày 10 tháng 8 năm 2009 Giám đốc Sở Tư pháp đã ban hành quyết định số 121/QĐ-STP ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động thông tin công chứng hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Trong thời gian tới sẽ ứng dụng công nghệ thông tin vào việc lưu giữ và tra cứu hồ sơ công chứng trên cơ sở dữ liệu đã có sẽ giúp cho thời gian công chứng được rút ngắn và tăng độ chính xác.

2.2.2. Những vướng mắc và khó khăn trong quá trình thực hiện hoạt động công chứng ở Hải Phòng

Hoạt động công chứng tại Hải Phòng cũng mang những khó khăn và vướng mắc chung như đã phân tích ở trên. Tuy nhiên, do vị trí địa lý và đặc điểm kinh tế nên ở Hải Phòng còn mang những khó khăn, vướng mắc riêng. Phần lớn các Phòng Công chứng ở Hải Phòng vẫn còn phải đi thuê trụ sở để hoạt động. Việc phải đi thuê trụ sở để hoạt động làm cho các Phòng Công chứng không duy trì ổn định hoạt động của mình, việc bảo quản trang thiết bị cũng như lưu trữ hồ sơ gặp nhiều khó khăn do việc phải thường xuyên thay đổi địa điểm. Điều này làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động công chứng cũng như chất lượng phục vụ người dân.

Hàng năm các Phòng Công chứng vẫn được bổ sung thêm các Công chứng viên nhưng số lượng vẫn còn thiếu so với nhu cầu. Chất lượng chuyên môn của các Công chứng viên không đồng đều, chưa có cơ chế tạo ra sự đào thải những Công chứng viên yếu kém về chuyên môn, về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Đã xảy ra tình trạng thiếu thống nhất trong các tổ chức công chứng, giữa các Công chứng viên trong hoạt động công chứng.

Sự thiếu đồng bộ của các chế định đi kèm làm cho hoạt động công chứng phát triển chậm, gây ra nhiều khó khăn cho hoạt động này. Điển hình là các quy định pháp luật liên quan đến bất động sản.

Sự chồng chéo, không kiểm soát được các giao dịch giữa các tổ chức hành nghề công chứng và Ủy ban nhân dân. Pháp luật hiện hành quy định nhiều việc cùng do tổ chức công chứng và Ủy ban nhân dân thực hiện đã dẫn đến những hậu quả như đã phân tích ở chương 2, đây là tình trạng chung của cả nước cũng như trên địa bàn Hải Phòng.

Hiện nay, Sở Tư pháp đang tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định phân định thẩm quyền giữa hai cơ quan này theo định hướng và hướng dẫn tại Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25 tháng 8 năm 2008:

Việc từng bước chuyển giao các hợp đồng, giao dịch cho các tổ chức hành nghề công chứng.

Luật Công chứng và Nghị định số 79 đã phân biệt rõ hai loại hoạt động công chứng và chứng thực, theo đó công chứng là việc Công chứng viên chứng nhận tính xác thực, tính hợp pháp của các hợp đồng, giao dịch; còn Phòng Tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực bản sao giấy tờ từ bản chính, chứng thực chữ ký.

Để tạo điều kiện cho Phòng Tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tập trung thực hiện tốt công tác chứng thực bản sao, chứng thực chữ ký theo quy định của Nghị định 79, đồng thời từng bước chuyển giao các hợp đồng, giao dịch cho các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện theo đúng tinh thần của Luật Công chứng, góp phần bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch của cá nhân, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần thực hiện các biện pháp phát triển tổ chức hành nghề công chứng ở địa phương; căn cứ vào tình hình phát triển của các tổ chức hành nghề công chứng để quyết định giao các hợp đồng, giao dịch cho các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện; trong trường hợp

trên địa bàn huyện chưa có tổ chức hành nghề công chứng thì người tham gia hợp đồng, giao dịch được lựa chọn công chứng của tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn khác hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật (mục 8).

Tóm lại, chương 2 tập trung vào phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật công chứng nước ta nói chung và những điểm mang tính đặc thù tại thành phố Hải Phòng. Thông qua thực tế hoạt động nghiệp vụ công chứng và nghiên cứu chế định công chứng trên phương diện lý luận nhận thấy những mặt hạn chế, bất cập chủ yếu của pháp luật trong lĩnh vực công chứng được thể hiện qua những điểm chính sau:

- Chưa phân biệt được hoàn toàn hoạt động công chứng và hoạt động chứng thực dẫn đến nhiều hậu quả tiêu cực.
- Các quy định về Công chứng viên còn nhiều bất cập chưa phù hợp với thực tế.
- Pháp luật về công chứng chưa tạo ra được cơ chế để các nhân và tổ chức yêu cầu công chứng được hưởng các dịch vụ công chứng một cách tốt nhất. Nhiều quy định của pháp luật còn làm mất đi tính dịch vụ của hoạt động này.
- Giá trị pháp lý của văn bản công chứng chưa được đánh giá đúng mức và còn thiếu điều kiện, thiếu cơ chế bảo đảm thực thi.
- Trong các quy định của pháp luật hiện nay còn nhiều mâu thuẫn, chồng chéo nhiều bất cập tạo ra nhiều kẽ hở trong quá trình thực hiện pháp luật về công chứng.
- Việc phát triển công chứng chưa dựa trên những nguyên tắc, căn cứ tính toán khoa học, chưa có các khảo sát cụ thể về nhu cầu công chứng của người dân và tổ chức, chưa xây dựng được lộ trình phát triển công chứng.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG

3.1. Phương hướng hoàn thiện

Từ khi Luật Công chứng ra đời thì thiết chế công chứng được xây dựng theo mô hình hành nghề tự do nhưng bản chất vẫn là một hoạt động mang tính bổ trợ tư pháp. Do vậy trong quá trình hoàn thiện pháp luật công chứng phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

Một là, pháp luật công chứng phải phản ánh đúng bản chất ưu việt của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đó là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Phải thể hiện được các quan điểm, đường lối, chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân và tổ chức đã được Hiến pháp ghi nhận.

Hai là, xây dựng pháp luật về lĩnh vực công chứng đảm bảo yêu cầu đầy đủ, thống nhất, đồng bộ, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước, đáp ứng yêu cầu giao lưu và hội nhập quốc tế.

Ba là, quá trình hoàn thiện pháp luật về công chứng phải được đặt trong tổng thể và phù hợp với lộ trình cải cách tư pháp cũng như cải cách nền hành chính. Thực hiện mục tiêu tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức cùng với chủ trương hiện đại hóa bộ máy nhà nước. Hoàn thiện pháp luật công chứng không chỉ được nhìn nhận một cách riêng biệt, độc lập mà nó cần được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nước ta trong giai đoạn hiện tại và tương lai.

Bốn là, xây dựng mô hình tổ chức và hoạt động công chứng không được làm biến dạng bản chất của hoạt động hỗ trợ tư pháp này. Quy mô và sự phân bố của các tổ chức công chứng phải được xây dựng dựa trên nhu cầu công chứng thực tế. Việc thay đổi phải được thực hiện trên cơ sở cân đối lợi ích giữa người yêu cầu công chứng với người thực hiện công chứng cũng như lợi ích của nhà nước.

Năm là, việc hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực công chứng phải đảm bảo được hiệu quả quản lý nhà nước đồng thời cũng tạo ra môi trường pháp lý ổn định cho sự phát triển chế định công chứng.

Căn cứ theo các yêu cầu trong quá trình hoàn thiện pháp luật công chứng như đã phân tích, tác giả luận văn xin đề xuất phương hướng hoàn thiện sau:

Thứ nhất: Tiếp tục hoàn thiện khái niệm công chứng, chủ thể thực hiện công chứng và xác định chính xác phạm vi công chứng

Thứ hai: Xây dựng thiết chế công chứng theo mô hình hành nghề tự do và hoàn thiện các quy định về quản lý công chứng. Trong đó nhà nước chỉ giữ vai trò quản lý, chuyển giao toàn bộ cho tổ chức hành nghề công chứng

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả của hoạt động công chứng

3.2.1. Hệ thống hóa pháp luật liên quan đến lĩnh vực công chứng

Trong quá trình tồn tại và phát triển các quy định liên quan đến chế định công chứng được thay đổi bổ sung nhiều lần và được thể hiện ở nhiều văn bản pháp luật thuộc các ngành luật khác nhau. Nội dung nhiều văn bản pháp luật liên quan mâu thuẫn, chồng chéo lẫn nhau. Nhiều nội dung không còn phù hợp với điều kiện thực tế. Để hoàn thiện pháp luật liên quan đến công chứng, việc đầu tiên là phải tiến hành hệ thống hóa pháp luật liên quan đến chế định pháp luật về công chứng. Thông qua hoạt động này, loại bỏ được những quy định trái với Hiến pháp và các đạo luật, các văn bản mâu thuẫn, chồng chéo, sơ hở trong pháp luật hoặc không còn phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

3.2.2. Cần phân biệt rõ hoạt động công chứng và hoạt động chứng thực

Hoạt động công chứng và chứng thực là hoàn toàn khác nhau về bản chất, giá trị pháp lý cũng như chủ thể tiến hành hai hoạt động này. Việc phân biệt phải được quy định rõ trong các văn bản pháp luật về cả chủ thể, phạm vi, giá trị pháp lý của hai hoạt động này. Trên cơ sở đó chúng ta hoàn toàn tách bạch được hoạt động quản lý hành chính nhà nước với hoạt động mang tính chất nghề nghiệp và mang tính dịch vụ. Những việc thuộc phạm vi công chứng phải trả về cho công chứng, những việc thuộc hoạt động chứng thực phải

trả về cho Ủy ban nhân dân. Quy định mỗi loại việc chỉ do một cơ quan thực hiện. Khi phân biệt được phạm vi của hai hoạt động này giúp chúng ta tránh được những chồng chéo trong quá trình thực hiện, đồng thời cũng tạo ra cơ chế quản lý, phát triển hoạt động công chứng, giải quyết được các vướng mắc cụ thể sau:

- Theo quy định của pháp luật thì Ủy ban nhân dân các cấp là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

- Những công việc thuộc lĩnh vực công chứng cũng được giao cho Ủy ban nhân dân thực hiện sẽ tạo ra nhiều đầu mối, thiếu tập trung thống nhất, gây lên tình trạng chồng chéo, không khoa học.

- Về nguyên tắc Ủy ban nhân dân làm việc theo chế độ tập thể, khi cá nhân ký là đại diện cho một tập thể và thường được ký theo dạng "thay mặt" Ủy ban nhân dân. Điều này mâu thuẫn với nguyên tắc trách nhiệm cá nhân của những người ký chứng nhận hợp đồng, giao dịch. Sự mâu thuẫn này còn phát sinh khi xử lý trách nhiệm của người ký, nếu đã ký với tư cách là đại diện cho Ủy ban nhân dân thì không có cơ chế để giải quyết. Nếu công việc được giao cho Công chứng viên của tổ chức công chứng thì sẽ không có sự mâu thuẫn này.

- Các cán bộ được ký ở Ủy ban nhân dân thường là những người được nhân dân bầu ra theo nhiệm kỳ, thường xuyên thay đổi vị trí, làm việc mang tính chất kiêm nhiệm. Những cán bộ này được hình thành từ các ngành khác nhau, số lượng người có trình độ pháp luật và được đào tạo để thực hiện việc chứng thực rất ít. Do vậy, trình độ chuyên môn chắc chắn sẽ không cao. Để nâng cao trình độ, hay bồi dưỡng những kỹ năng nghiệp vụ cũng khó có thể giải quyết được vì họ làm việc không mang tính chuyên nghiệp, hết nhiệm kỳ họ lại có thể bị thay đổi. Như vậy, chất lượng của những hợp đồng, giao dịch nhất là những việc phức tạp đòi hỏi tính chuyên môn cao được họ chứng nhận, về mặt pháp lý sẽ không được đảm bảo một cách chính xác.

3.2.3. Thành lập trung tâm lưu trữ, thông tin công chứng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Từ những kết quả thu được qua thực tế triển khai mô hình thành lập Bộ phận lưu trữ thông tin công chứng tại Hải Phòng, tác giả luận văn đề xuất triển khai rộng rãi mô hình này trên toàn quốc để thành lập trung tâm lưu trữ, thông tin công chứng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Làm được việc này chúng ta có thể kiểm soát được tất cả các hợp đồng, giao dịch trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trung tâm này đặt tại Sở Tư pháp địa phương có chức năng lưu trữ và phục vụ việc tra cứu các thông tin liên quan đến toàn bộ hoạt động công chứng của địa phương. Khi các Trung tâm này được thành lập, cùng với việc quy định những công việc chỉ do công chứng thực hiện, chúng ta tạo thêm cơ chế để bỏ qua thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm. Khi các hợp đồng, giao dịch đã được Công chứng viên chứng nhận thì nó mặc nhiên đã được đăng ký tại các địa phương đó. Nếu làm được như vậy, sẽ làm giảm đi các thủ tục sau công chứng, rút ngắn được thời gian đảm bảo thực hiện nhanh các thỏa thuận trong văn bản công chứng. Khi

các hợp đồng, giao dịch đã được kiểm soát thì tránh được sự trùng lặp, chồng chéo trong quá trình thực hiện công chứng, đó cũng là đầu mối để các cơ quan thực hiện tốt chức năng quản lý. Khi pháp luật đã có quy định bắt buộc một số loại hợp đồng, giao dịch phải công chứng thì thông qua việc lưu trữ, tra cứu thông tin tại Bộ phận thông tin chúng ta loại bỏ được một số công việc của nhà nước mà vẫn đảm bảo được yêu cầu quản lý của nhà nước. Từ đó giảm được các đầu mối ở các lĩnh vực chuyên ngành, đưa về chung một cơ quan thực hiện.

3.2.4. Sự cần thiết phải đưa các giao dịch thông qua công chứng

Để hoạt động công chứng thực sự trở thành công cụ quản lý xã hội, phát huy được vai trò tạo ra môi trường pháp lý ổn định, bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch dân sự, kinh tế của các cá nhân và tổ chức thì cần thiết phải quy định một số giao dịch bắt buộc phải qua công chứng. Tác giả luận văn xin đưa ra một đề xuất, đó là đối với các giao dịch liên quan đến tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng thì bắt buộc phải qua công chứng. Cơ sở để đưa ra đề xuất này là:

- Những tài sản này thường có giá trị lớn như: nhà, quyền sử dụng đất, ô tô, tàu biển, tàu sông... nên các giao dịch của nó phải được kiểm soát chặt chẽ và phải được đảm bảo để tránh xảy ra tranh chấp, vì khi xảy ra tranh chấp thường gây nên những khiếu kiện kéo dài.

- Những tài sản này gắn liền với cuộc sống của mỗi gia đình trong xã hội, là tư liệu sản xuất của các tổ chức kinh doanh. Những giao dịch liên quan đến tài sản này rất phổ biến, nhiều và mang tính thường xuyên, ảnh hưởng đến quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của các cá nhân, tổ chức. Nó có tác động lớn đến các hoạt động khác và tác động này thường mang tính dây chuyền, thường kéo theo nhiều người tranh chấp, gây tác động xấu đến xã hội.

- Việc kiểm tra, xác định những tài sản này có căn cứ dựa trên các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, sử dụng của các chủ thể khi tham gia giao dịch. Công chứng viên thông qua các loại giấy tờ này xác định được chủ thể, đối tượng của hợp đồng, giao dịch một cách nhanh chóng mà không cần phải xác minh tại bất kỳ cơ quan nào khác.

3.2.5. Xây dựng cơ chế bảo đảm giá trị văn bản công chứng

Văn bản công chứng do Công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng tạo lập có giá trị chứng cứ và giá trị thi hành. Nhà nước cần phải có cơ chế bảo đảm thực thi bằng các biện pháp mang tính quyền lực nhà nước thông qua việc ban hành văn bản pháp luật và thực hiện pháp luật.

3.2.6. Xây dựng được các chế định pháp luật liên quan đảm bảo cho hoạt động công chứng được thực hiện hiệu quả

Chế định pháp luật công chứng là một bộ phận nằm trong hệ thống pháp luật. Các chế định pháp luật không tồn tại một cách riêng lẻ mà nó có mối liên quan mật thiết và được xây dựng trên cơ sở thống nhất và bổ trợ cho nhau. Khi một quy định của lĩnh vực công chứng có liên quan đến một lĩnh vực khác thì phải bổ sung ngay nội dung hoặc cách thức điều chỉnh tại văn bản liên quan đến lĩnh vực đó và ngược lại. Xây dựng cấu trúc hệ thống

pháp luật theo từng ngành và dẫn chiếu cách thức điều chỉnh những nội dung có tính chất chuyên ngành, chứ không nên đưa ra cách giải quyết cụ thể tại nhiều văn bản khác nhau.

Hiện nay với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, ứng dụng những thành tựu này vào hoạt động công chứng là một đòi hỏi của thời đại. Chúng ta phải từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin và cơ sở dữ liệu mạng phục vụ cho việc tra cứu, xác minh chung các lĩnh vực trong xã hội.

Ví dụ khi xây dựng được cơ sở dữ liệu về nhân thân trên mạng, thay vì bắt buộc người yêu cầu công chứng xin các xác nhận về quan hệ nhân thân thì Công chứng viên chỉ cần vào hệ thống tra cứu với một thời gian được tính bằng phút, thậm chí bằng giây sẽ biết được chính xác. Khi cần tra cứu thông tin liên quan đến đối tượng của hợp đồng, giao dịch cũng không mất thời gian đi lại, không đòi hỏi nhiều loại giấy tờ mà độ chính xác lại cao. Tất nhiên không phải ai cũng có thể tra cứu những thông tin này mà phải có một cơ chế thích hợp dựa trên cơ sở khoa học và quy định của pháp luật. Những người tra cứu thông tin từ mạng cơ sở dữ liệu dùng chung phải trả một khoản phí nhất định để duy trì hoạt động của mạng thông tin này.

3.2.7. Xây dựng lộ trình, định hướng phát triển công chứng

Để phát triển hoạt động công chứng yêu cầu phải có nghiên cứu, khảo sát nhu cầu thực tế của xã hội.

Việc phát triển thêm các Phòng Công chứng, Văn phòng công và số lượng Công chứng viên chứng dù theo mô hình hay lộ trình nào cũng phải được xây dựng dựa trên những cơ sở sau:

Một là, căn cứ vào số lượng giao dịch, xác định loại giao dịch cần phải thực hiện thông qua công chứng.

Hai là, số dân sinh sống, sự phân bố dân cư trên một vùng lãnh thổ.

Ba là, số lượng hợp đồng, giao dịch mà một Công chứng viên có khả năng chứng nhận.

Việc xây dựng lộ trình phát triển công chứng phải được tiến hành qua nhiều giai đoạn khác nhau trên cơ sở định hướng chuyển giao một phần hay toàn bộ cho các tổ chức công chứng. Theo tác giả luận văn thì nên chuyển giao toàn bộ cho các tổ chức hành nghề công chứng, nhà nước chỉ giữ vai trò là người quản lý về lĩnh vực công chứng.

Việc xây dựng lộ trình và định hướng phát triển công chứng phải theo quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị trong Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 theo Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 24/5/2005 và Nghị quyết số 49-NQ/TU về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và phải dựa trên điều kiện kinh tế, xã hội, phải đặt trong chiến lược phát triển chung của đất nước.

3.2.8. Xây dựng đội ngũ Công chứng viên chất lượng cao, phẩm chất tốt

Vai trò quan trọng của Công chứng viên đã được khẳng định và thể hiện qua việc chứng nhận tính xác thực và tính hợp pháp của các hợp đồng, giao dịch. Để thực hiện việc

chúng nhận này đòi hỏi Công chứng viên phải có trình độ chuyên môn cao, trình độ hiểu biết đa dạng về các lĩnh vực của đời sống.

Năng lực và phẩm chất đạo đức của các Công chứng viên cũng không đồng đều. Chúng ta có thể đưa ra tiêu chuẩn để quy định xếp loại Công chứng viên, từ kết quả xếp loại xây dựng cơ chế loại bỏ hoặc giảm thời gian hành nghề hoặc tăng mức độ đóng bảo hiểm trách nhiệm đối với Công chứng viên xếp loại thấp và ngược lại. Công việc này cũng có thể thực hiện bằng cơ chế kiểm tra hoặc bổ nhiệm Công chứng viên theo nhiệm kỳ để tạo ra động lực phát triển số lượng, năng cao chất lượng đội ngũ Công chứng viên.

Công chứng viên làm việc trong tổ chức hành nghề công chứng và được coi là một nghề. Ngoài sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền về mặt quản lý nhà nước, cũng cần xây dựng một tổ chức quản lý mang tính chất tự nguyện nghề nghiệp chuyên ngành để tạo điều kiện trao đổi chuyên môn nghiệp vụ đồng thời đại diện, bảo vệ quyền lợi cho Công chứng viên. Tổ chức đó có thể là Hiệp hội Công chứng hay Liên đoàn Công chứng. Thông qua hoạt động của tổ chức này, các cơ quan quản lý nhà nước có thêm một kênh thông tin để trao đổi, làm tăng thêm hiệu quả quản lý và tạo điều kiện cho tổ chức và hoạt động công chứng phát triển.

Tóm lại, để chế định công chứng khẳng định được vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế, góp phần tạo ra sự ổn định chung của xã hội thì chúng ta phải tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực này. Trong chương 3, tác giả luận văn đưa ra các đề xuất và giải pháp cụ thể để hoàn thiện pháp luật công chứng và nâng cao hiệu quả của hoạt động công chứng:

- Hệ thống hóa pháp luật liên quan đến lĩnh vực công chứng.
- Cần phân biệt rõ hoạt động công chứng và hoạt động chứng thực.
- Thành lập trung tâm lưu trữ, thông tin công chứng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Sự cần thiết phải đưa các giao dịch thông qua công chứng.
- Xây dựng cơ chế bảo đảm giá trị văn bản công chứng.
- Xây dựng được các chế định pháp luật liên quan đảm bảo cho hoạt động công chứng được thực hiện hiệu quả.
- Xây dựng lộ trình, định hướng phát triển công chứng.
- Xây dựng đội ngũ Công chứng viên chất lượng cao, phẩm chất tốt.

KẾT LUẬN

Trước yêu cầu phát triển của đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương thực hiện chính sách phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Mở rộng đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế trên nhiều lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, chính trị... Với chủ trương đúng đắn và kịp thời này đã làm thay đổi diện mạo đất nước trong những năm gần đây. Sự phát triển kinh tế theo định hướng này làm cho các mối quan hệ về kinh tế, dân sự, thương mại phát triển đa dạng và không ngừng tăng thêm về số lượng và tính chất của các hợp đồng, giao dịch. Để tạo ra môi trường pháp lý ổn định, bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch dân sự, kinh tế của các cá nhân và tổ chức cần đảm bảo bằng nhiều chế định pháp luật trong đó có chế

định pháp luật công chứng. Nội dung cơ bản của Luận văn ngoài việc làm rõ một số vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn của chế định công chứng còn nhằm khẳng định tầm quan trọng của chế định này trong đời sống xã hội. Đánh giá thực trạng pháp luật và đề ra tiêu chí để hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này. Nhằm xây dựng mô hình tổ chức công chứng phù hợp với sự phát triển của đất nước và xu thế chung của thế giới và nâng cao hiệu quả hoạt động công chứng. Đồng thời đề xuất phương hướng cũng như những giải pháp cụ thể để hoàn thiện pháp luật công chứng.